TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 50 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2021
V/v: "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Hoàng Chân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Liễu

2. Ông Trần Hữu Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, về việc: "*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐST–HNGĐ ngày 05/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1982

Địa chỉ: C 10/32 Nguyễn Văn L, xã Bình H, huyện Bình Ch, thành phố Hồ Chí M. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Trọng S sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 165/54 Quang T, khu phố Võ Trường T, Tp Rạch G, tỉnh Kiên G. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Trong đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh T trình bày***: Bà T và ông S tự tìm hiểu quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Q, thành phố Rạch G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2015.

Lý do xin ly hôn: Bà T cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt; vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, không thông cảm và chia sẽ với nhau trong cuộc sống, mỗi người có cách suy nghỉ và hành động khác nhau, ông S không lo làm ăn, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hay cự cải với nhau. Bất đồng xảy ra và kéo dài nhiều năm

nay, vợ chồng nhiều lần tự hòa giải nhưng không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên bà T và ông S đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 6/2020 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Lê Kim G, sinh ngày 14/6/2015 và Lê Sang T, sinh ngày 18/02/2017. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Sang T và yêu cầu giao con chung tên Lê Kim G cho ông S nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Lê Trọng S*** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do, từ khi thụ lý vụ án đến nay ông S vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:***

1. Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định.

Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; Về con chung đề nghị giao con chung tên Lê Kim G, sinh ngày 14/6/2015 cho ông S nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Giao người con tên Lê Sang T, sinh ngày 18/02/2017 cho Bà T tiếp tục nuôi dưỡng và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài nợ chung: Bà T xác nhận vợ chồng không có nợ ai, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Do tại phiên tòa ông S vắng mặt không đối chất được tài sản chung và nợ chung, nếu sau nầy ông S có chứng cứ nợ chung thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Lê Trọng S. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Ông S có cư trú tại Số 165/54 Quang T, khu phố Võ Trường T, Tp Rạch G, tỉnh Kiên G. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch G, tỉnh Kiên G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Hồ Thị Thanh T có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và bị đơn ông Lê Trọng S vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của bị đơn không làm ảnh hưởng đến phiên Tòa và nguyên đơn cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S tự tìm hiểu quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Q, thành phố R G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2015 là phù hợp theo quy định pháp luật được quy định tại Điều 9 Bộ luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Tại phiên Tòa hôm nay bà Tuyền trình bày lý do ly hôn: Bà T cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt; vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, không thông cảm và chia sẽ với nhau trong cuộc sống, mỗi người có cách suy nghỉ và hành động khác nhau, ông Sang không lo làm ăn, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẩn hay cự cải với nhau. Bất đồng xảy ra và kéo dài nhiều năm nay, vợ chồng nhiều lần tự hòa giải nhưng không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên bà T và ông S đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 6/2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy bà T và ông S không còn thương yêu quý trọng nhau, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông S. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, Điều 54 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

- Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Lê Kim G, sinh ngày 14/6/2015 và Lê Sang T, sinh ngày 18/02/2017. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Sang T và yêu cầu giao con chung tên Lê Kim G cho ông S nuôi dưỡng và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung tên Lê Sang T sống với bà T từ nhỏ và được bà T chăm sóc chu đáo nên Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung tên Lê Sang T cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và đối với con chung tên Lê Kim G sống với ông S tư nhỏ và được ông S chăm sóc chu đáo nên Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung tên Lê Kim G cho ông S được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về vấn đề cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con và bà T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với cháu G, tại phiên Tòa ông S vắng mặt và

cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông S có chứng cứ tranh chấp về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Tuyền được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 000994 ngày 13/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch G, tỉnh Kiên G. Nên bà không phải nộp thêm.

Bị đơn ông S không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, 81 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về xin ly hôn và nuôi con chung của bà Hồ Thị Thanh T đối với ông Lê Trọng S.

Tuyên bố bà Hồ Thị Thanh T được ly hôn với ông Lê Trọng S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Sang T, sinh ngày 18/02/2017 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Giao người con chung tên Lê Kim G, sinh ngày 14/06/2015 cho ông S được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà T, ông S và các thành viên trong gia đình không có quyền ngăn cản việc bà T, ông S tới lui thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con chung. Đối với người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Bà T yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T xác nhận vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông S có chứng cứ tranh chấp về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Tuyền được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 000994 ngày 13/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch G, tỉnh Kiên G. Nên bà T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17-5-2021). Nếu đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đ/sự;
- VKS Tp Rạch Giá;
- TA tỉnh;
- THA Tp Rạch Giá;
- Nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Hoàng Chân